

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Biểu số 1

BÁO CÁO PHÂN NSNN GIẢM CHI DO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 18, 19
(Kèm theo Báo cáo số 261 /BC-UBND ngày 23 /7/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Dvt: Triệu đồng

STT	 NỘI DUNG	Giai đoạn 2017-2020	Bao gồm					Dự kiến giai đoạn 2021-2025
			Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	
A	TỔNG SỐ NSNN GIẢM CHI DO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 18,19, TRONG ĐÓ:							
	- Từ việc tinh giản biên chế, tổ chức lại bộ máy	58.404		25.298	33.106			
	- Từ việc sát nhập các đầu mối, cơ quan, đơn vị	38.013		14.549	23.464			
	- Từ việc thay đổi cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp	750			750			
	- Từ việc thay đổi cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp	19.641		10.749	8.892			
B	Từ việc sát nhập các huyện, xã không đủ điều kiện tiêu chuẩn							
	KẾT QUẢ SỬ DỤNG PHÂN NSNN GIẢM CHI DO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 18,19	41.851		25.298	16.553			
	Bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả tiền lương							
-	tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	41.851		25.298	16.553			
-	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương							
-	ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất							



BÁO CÁO KẾT QUẢ TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ, SẮP XẾP LẠI TỔ CHỨC BỘ MÁY CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THEO CÁC NGHỊ QUYẾT: SỐ 18, SỐ 19

(Kèm theo Báo cáo số 261 /BC-UBND ngày 23 /7/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm						Lũy kế giai đoạn 2015-2020	So sánh mục tiêu tại Nghị quyết số 18, 19
			2015	2016	2017	2018	2019	2020		
I	VỀ TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ									
1	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao	Người	24.968	24.523	24.109	23.650	23.176	24.563	144.989	
-	Khởi QLNN, Đảng, đoàn thể	Người	3.042	3.037	3.009	2.943	2.816	2.791	17.638	
-	Khởi sự nghiệp	Người	19.601	19.161	18.775	18.382	18.035	19.637	113.591	
-	Khởi xã	Người	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.135	13.760	
2	Biên chế có mặt	Người	23.484	23.138	23.042	22.353	22.265	23.839	138.121	
-	Khởi QLNN, Đảng, đoàn thể	Người	2.825	2.912	2.874	2.675	2.600	2.588	16.474	
-	Khởi sự nghiệp	Người	18.431	18.051	18.008	17.527	17.514	19.116	108.647	
-	Khởi xã	Người	2.228	2.175	2.160	2.151	2.151	2.135	13.000	
3	Biên chế tình giản	Người		445	414	459	474	215	2.007	
-	Khởi QLNN, Đảng, đoàn thể	Người		5	28	66	127	25	251	
-	Khởi sự nghiệp	Người		440	386	393	347	0	1.566	
-	Khởi xã	Người		0	0	0	0	190	190	
4	Kinh phí NSNN hỗ trợ các đối tượng tình giản biên chế	Triệu đồng	5.369	9.420	9.499	11.399	14.758	15.860	66.306	
II	VỀ SẮP XẾP LẠI TỔ CHỨC BỘ MÁY									
	Số lượng đơn vị giản	Đơn vị	0	0	0	1	2	0	3	
	<i>Trong đó:</i>									
-	Cấp tỉnh giảm	Đơn vị					1	2	3	
-	Cấp huyện giảm	Đơn vị								
-	Cấp xã giảm	Đơn vị								
III	VỀ SẮP NHẬP CÁC HUYỆN, XÃ KHÔNG ĐỦ TIÊU CHUẨN									
-	Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sáp nhập	Đơn vị								

